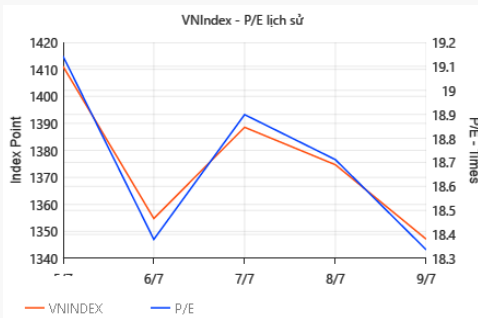
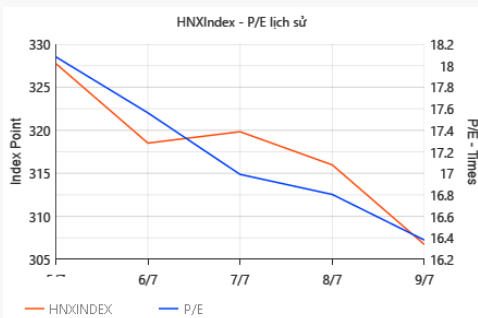


## VN-INDEX



Điểm số	<b>1,347.14</b>
Tuần qua (WoW)	<b>-5.15%</b>
Từ đầu năm (YTD)	<b>22.04%</b>
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	12.46%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	14.14%
P/E	18.34
P/B	2.75

## HNX -INDEX



Điểm số	<b>306.73</b>
Tuần qua (WoW)	<b>-6.49%</b>
Từ đầu năm (YTD)	<b>51.01%</b>
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	1.81%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	2.07%
P/E	16.38
P/B	1.74

## Bộ phận Chiến lược đầu tư

### ÁP LỰC TỪ ĐỢT BÙNG DỊCH

Trong cuối tuần vừa qua, số ca nhiễm mới trong 1 ngày đã đạt mức kỷ lục 5 ngàn ca nhiễm mới, đồng thời với đó việc áp dụng giãn cách tại 16 tỉnh thành phía Nam và sau đó là Hà Nội trong cùng ngày sẽ là áp lực tâm lý lớn tới nhà đầu tư trên thị trường. Đặc biệt sau khi chúng ta nhìn thấy sự thận trọng của dòng tiền trong tuần trước thì có khả năng cao lực bán sẽ gia tăng trong tuần này sau khi nhà đầu tư nhận thấy diễn biến dịch đang trở nên nghiêm trọng và lan rộng.

Mặc dù vậy vẫn có khả năng dòng tiền đang quan sát sẽ gia nhập thị trường tại vùng giá hấp dẫn. Khi quan sát danh mục VN30, chúng tôi nhận thấy với lợi nhuận tăng mạnh, PE trượt của quá bán số cổ phiếu vẫn đang duy trì ở vùng trung bình 5 năm (hoặc 2 năm với cổ phiếu mới lên sàn). Với triển vọng tăng trưởng của phần lớn cổ phiếu trụ đều đang duy trì tích cực cho nửa sau 2021 và 2022, các đợt điều chỉnh mạnh sẽ thu hút dòng tiền, đặc biệt từ khối ngoại.

Nhìn ra thế giới, với việc các quốc gia phát triển tại Châu Âu cũng đang chịu áp lực bùng phát dịch trở lại với biến chủng Delta mới, diễn biến tại Việt Nam dù đang nghiêm trọng nhưng không phải đơn lẻ. Nhà đầu tư không nên quá bi quan nhưng cũng cần có kỳ vọng thực tế rằng sẽ cần thời gian để kiểm soát đợt bùng dịch lần này.

### DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ IVS

**Danh mục Nắm giữ:** không đổi. **Danh mục Giao dịch:** Mã BWE được thêm mới vào danh mục.

### CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH

Thị trường chung tiếp tục có tuần diễn biến kém tích cực. Và dù lực bán cho thấy sự suy yếu rất rõ ràng nhưng lực mua cũng không đủ mạnh mẽ. Nếu tỉ trọng tiền mặt đang cao và sẵn sàng chấp nhận rủi ro thì cách làm lúc này là hành động như cách thị trường hành động, giải ngân ở vùng giá thấp và hạn chế giải ngân ở vùng giá cao. Còn nếu tỉ trọng cổ phiếu đang cao và mức chịu rủi ro không thực sự đủ lớn thì ưu tiên là hạ thấp vị thế.

<i>Nội dung</i>	<i>Tr.</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Tr.</i>
<i>Danh mục Khuyến nghị</i>	2	<i>News focus</i>	6
<i>Nhận định chiến lược</i>	3	<i>Factset</i>	6
<i>PTKT VN-Index</i>	5	<i>Lịch đầu tư tuần tới</i>	14

**DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ IVS**
**Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)**
**Kỳ đầu tư: 6-18 tháng**

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
HAH*	31/05/21	2	28,200	Mua	35,100	24.5%	-	9.4%	36.2%
OCB*	20/05/21	1	25,900	Mua	31,000	19.7%	12.9%	-	6.0%
SZC*	23/04/21	1	35,750	Tăng tỷ trọng	41,000	14.7%	11.6%	-	2.8%
DHC*	30/10/20	1	45,300	Giảm tỷ trọng	50,700	17.1%	-	90.9%	123.6%
VHM*	16/11/20	1	76,600	Nắm giữ	88,315	15.3%	-	23.4%	42.3%
ACB*	05/02/21	2	28,500	Nắm giữ	36,350	27.5%	-	15.4%	86.7%
VPB*	05/02/21	2	37,000	Nắm giữ	40,000	8.1%	-	61.3%	182.9%
MBB	11/06/21	3	39,400	Tăng tỷ trọng	44,000	11.7%	51.2%	-	70.3%
VIB*	05/02/21	1	35,400	Nắm giữ	45,000	27.1%	-	39.5%	77.3%
TPB*	05/02/21	1	26,700	Nắm giữ	34,500	29.2%	1.8%	-	27.0%
MWG*	31/07/20	2	128,500	Nắm giữ	154,500	67.4%	-	8.8%	128.8%
PNJ*	31/07/20	2	80,900	Nắm giữ	86,000	15.0%	-	11.6%	88.2%
SBT	08/02/20	2	20,500	Nắm giữ	24,000	16.8%	26.3%	-	2.7%
QNS	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.2%	29.2%	-	12.4%

(\*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

**Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)**
**Kỳ đầu tư: 3-6 tháng**

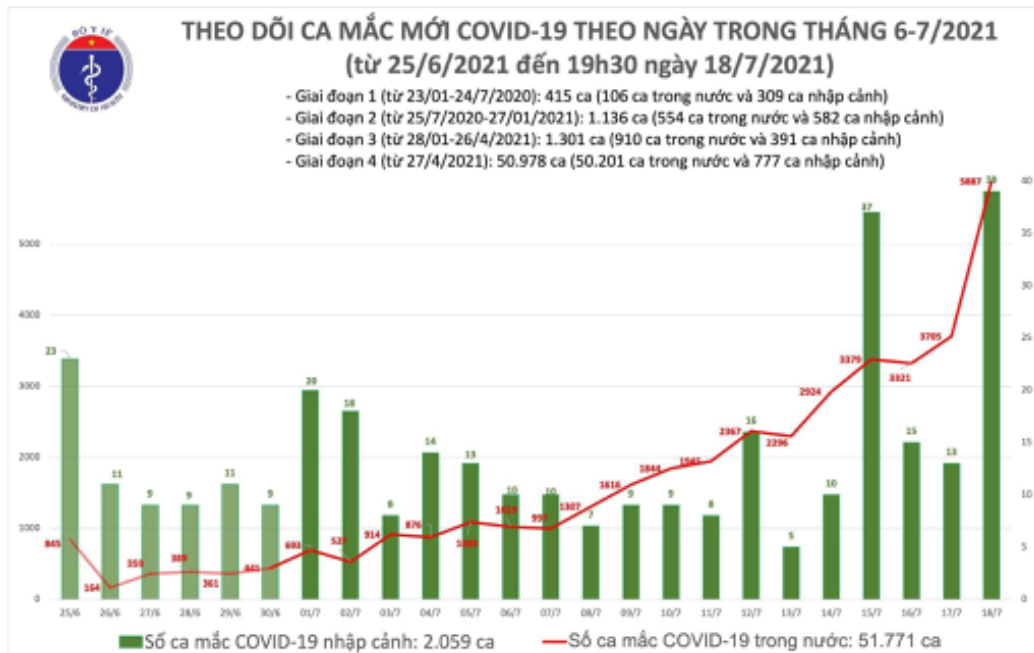
Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ	Risk: Reward Ratio	Lãi/Lỗ hiện tại
BWE	16/07/21	35,000 - 36,000	45,000	32,900	1:3	-
LAS	21/06/21	13,000 - 14,000	19,000	11,800	1:2.3	-10.0%
ABI	17/06/21	52,000 - 56,000	75,000	49,000	1:2.7	-5.9%
VND	09/06/21	32,280 - 35,100	50,140	29,460	1:2.7	16.5%
DPG	31/05/21	27,500 - 28,929	43,571	25,000	1:4	-0.6%
GVR	28/05/21	26,900 - 30,100	49,000	24,500	1:3.5	4.2%
BID	28/05/21	46,000 - 48,500	65,000	42,500	1:3	-12.4%
SSI	20/05/21	36,000 - 39,000	51,000	33,000	1:2	35.4%
BSR	11/05/21	14,900 - 16,100	22,000	13,600	1:2.3	11.2%
SMC	11/05/21	35,300 - 38,000	51,000	32,000	1:2	1.6%
DIG	08/04/21	25,670 - 26,520	40,210	23,190	1:4	-10.8%
GMD	07/04/21	35,000 - 36,200	55,000	32,700	1:5	13.8%
STB*	30/03/21	19,500 - 21,000	28,500	18,300	1:3	35.5%
TTF	29/03/21	6,900 - 7,500	13,000	6,200	1:4	-8.8%
VIC*	26/03/21	109,000-114,000	145,000	107,000	1:4.5	-7.2%
VCB	18/03/21	96,300 - 98,500	125,000	94,000	1:6	4.1%
TIG*	05/03/21	7,545 - 8,455	13,636	7,273	1:4.5	36.0%
GAS	17/02/21	80,000 - 83,500	117,000	73,700	1:3.5	7.8%
CNG	17/02/21	21,900 - 23,000	31,500	20,600	1:3.5	7.0%
CCL	17/02/21	11,000 - 12,000	19,000	9,700	1:3	-5.4%
LAF	27/01/21	12,800 - 14,500	21,500	11,800	1:2.5	-4.1%
VSH	25/01/21	18,000 - 19,700	30,000	16,900	1:3.5	6.1%

<b>MSR</b>	21/12/20	19,000 – 21,000	31,000	17,800	1:3	-9.0%
<b>SFI</b>	09/12/20	29,200 – 31,000	46,500	27,700	1:5	20.6%
<b>SGP*</b>	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	100.9%
<b>PGV</b>	23/11/20	15,000 – 16,000	25,500	13,700	1:4	18.1%
<b>CKG*</b>	19/11/20	10,700 – 11,200	14,300	10,300	1:3.5	71.7%
<b>DRI*</b>	20/10/20	5,000 – 5,500	10,500	4,200	1:4	83.6%

**Danh sách theo dõi đặc biệt của danh mục trading:**

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ
<b>IDC</b>	28/05/21	36,000 – 38,500	56,000	33,000
<b>SGR</b>	12/05/21	25,500 – 28,500	44,000	24,000
<b>BCG</b>	12/04/21	13,800 – 14,400	20,300	12,500
<b>CEO</b>	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900
<b>GEG</b>	08/03/21	18,000 – 19,200	28,000	16,800
<b>FCN</b>	08/03/21	14,000 – 15,000	22,000	13,400
<b>PVD</b>	05/03/21	23,500 – 25,500	40,000	21,900
<b>SAM</b>	17/02/21	11,200 – 12,100	22,500	10,200

## NHẬN ĐỊNH CHIẾN LƯỢC



Chúng tôi cho rằng biến động thị trường sẽ tiếp tục duy trì tăng, tỷ trọng tiền mặt nên được gia tăng và nên thận trọng dù là hoạt động mua bắt đáy hay mua tích lũy cổ phiếu trong dài hạn.

**THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC**

Thanh khoản giảm mạnh trong tuần vừa qua thể hiện sự thận trọng của cả bên mua (chưa thấy vùng giá quá hấp dẫn) và bên bán (giảm bớt tâm lý hoảng loạn). Giá trị trên 2 sàn đều giảm khoảng 20% trong tuần.

Mặc dù vậy, chúng tôi vẫn nhìn thấy sự hỗ trợ của thị trường tại vùng giá hiện tại. Đây là vùng giá mà phần lớn các cổ phiếu trong VN30 đều đang giao dịch thấp hơn mức P/E, P/B bình quân của 5 năm gần nhất (dưới 2 năm với doanh nghiệp mới lên sàn), cho thấy đợt tăng điểm 6 tháng đầu năm dù tăng mạnh nhưng chưa hẳn là quá nóng hoặc có khả năng tạo bong bóng chứng khoán.

Diễn biến tương tự tuần trước khi đà tăng của thị trường kéo hầu hết các nhóm ngành giảm điểm, ngoại trừ Viễn thông, Truyền thông với số ít mã giao dịch và Dầu khí với hỗ trợ từ diễn biến giá dầu đi cùng với tính chất đầu cơ của một số mã tăng mạnh như PVD+3.51% w-o-w và PVS+6%. Ngân hàng là nhóm điều chỉnh mạnh nhất trong tuần qua với VIB -14.41%, BVB -10.86%, TCB -8.8%. Trong tuần qua sau tin giảm lãi suất hỗ trợ doanh nghiệp thì nhóm ngân hàng đã nhận tin nói room, mặc dù vậy thông tin nói room dường như trong dự báo của thị trường nên yếu tố hỗ trợ không quá cao.

Khối ngoại liên tục thực hiện mua ròng, đặc biệt trong phiên giảm mạnh của thị trường vào thứ 2 đầu tuần. Nhưng ngược lại, nhóm tự doanh chứng khoán đang có tháng bán ròng mạnh nhất trong 12 tháng.

Tuần qua cũng chứng kiến việc hợp đồng tương lai đáo hạn và trong ngày đáo hạn cũng chứng kiến nhịp tăng khá bất ngờ khi thanh khoản thị trường và VN30 nói chung khá thấp. Sắp tới VN30 sẽ thực hiện đảo danh mục và ACB, SAB và GVR là những cái tên dự báo sẽ có thể thêm vào trong khi TCH và SBT nhiều khả năng sẽ bị loại ra.

**THỊ TRƯỜNG TOÀN CẦU**

Trái ngược với áp lực đại dịch trong nước, các thị trường quốc tế đang tập trung vào lạm phát. Đặc biệt tại các nước phát triển, việc vaccine đã được triển khai trên diện rộng đã giúp tiêu dùng tăng nhanh chóng trở lại. Tại Mỹ, Lạm phát đã lên mức cao nhất trong 13 năm trong tháng 6 với mức tăng 5.4% so với cùng kỳ của CPI. Lạm phát cơ bản cũng tăng 4.5% (sau khi loại trừ thực phẩm và năng lượng), mức tăng cao nhất từ tháng 9/1991. Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED) và Bộ Tài chính đều có động thái trấn an thị trường với phát biểu dự báo lạm phát sẽ duy trì cao trong các tháng tới nhưng sau đó sẽ nhanh chóng hạ nhiệt. Điều này nhằm khẳng định việc sẽ chưa thắt chặt chính sách trong ngắn hạn tới.

Mặc dù vậy, tại Châu Âu, nỗi lo bùng phát đợt dịch mới với chủng Delta đang quay trở lại với diễn biến tại Pháp, Hà Lan, Hy Lạp và Tây Ban Nha.

Nhóm các nhà quản lý tài sản chủ động đã nhận được 155.2 tỷ USD tiền mới đổ vào trong tháng Sáu theo số liệu từ Morning star. Sáu tháng đầu năm 2021, lượng tiền đổ vào các quỹ chủ động đã duy trì dương trong cả 6 tháng đồng thời cũng vượt qua dòng vốn đổ vào ETFs lần đầu kể từ 2017. Việc này có thể cho thấy sự lo ngại về vùng giá cao lịch sử của các chỉ số toàn cầu.

**VN-INDEX**



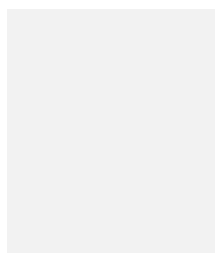
(Đồ thị tháng của VNIndex)



(Đồ thị ngày của VNIndex)

**Nhận định**

VNINDEX có tuần giảm tương đối mạnh 3.6%, mở cửa tuần thấp hơn tham chiếu và gần như là mức cao nhất tuần, đóng cửa tuần thấp hơn tham chiếu đáng kể và cũng cao hơn đáng kể so với mức thấp nhất tuần, khối lượng giao dịch cả tuần thấp hơn tuần liền trước và thấp hơn mức trung bình. Thị trường giảm mạnh ngay trong buổi sáng phiên thứ hai đầu tuần, đà giảm sau đó chứng lại khi lực bán được hấp thụ hết và VNINDEX thu hẹp đáng kể biên độ giảm khi đóng cửa. Dù vậy thì tâm lý e ngại mua giá cao khiến chỉ số chung trong bốn ngày còn lại trong tuần không thể đảo chiều sau đó mà chuyển thành lình xình dao động đi ngang ở khu vực đáy 1,270 – 1,300 với thanh khoản suy yếu. Nó thể hiện việc lực bán không còn mạnh nhưng lực mua cũng không đủ hưng phấn và chỉ sẵn sàng tham gia ở vùng giá thấp. Diễn biến tích cực là việc VNINDEX tăng điểm trong hai ngày cuối tuần, tuy nhiên thì với việc tâm lý e ngại vẫn là chủ đạo thì không loại trừ khả năng thị trường cần thêm một lần quay trở lại vùng đáy để kiểm định cung cầu.



Vai trò	Vùng điểm của VNIndex
<b>Hỗ trợ</b>	1,350 – 1,380
<b>Kháng cự</b>	1,400 – 1,450

**THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG**
**1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)**
**Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục**

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
SMC	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%

**Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm**

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

**Các trạng thái đã cắt lỗ**

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

**2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)**
**Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu**

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN / Tổng số KN	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
HAH	02/04/21	1 / 2	24,650	29,800	20.9%	14.4%	31/5/21	35,100	+17.8%
ACB*	28/09/20	1 / 2	22,500	27,400	27.5%	26.7%	5/2/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/09/20	1 / 2	22,800	27,400	20.2%	62.3%	5/2/21	40,000	+46.0%
MBB*	05/02/21	2 / 3	39,400	27,000	9.1%	130.6%	11/6/21	44,000	+62.9%
MBB*	28/09/20	1 / 3	17,087	20,000	17.0%	44.8%	5/2/21	27,000	+35.0%
SBT*	02/11/20	1 / 2	18,500	22,200	20.0%	11.1%	8/2/21	24,000	+8.1%
MWG*	31/07/20	1 / 2	73,470	123,000	67.4%	74.9%	8/2/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/7/20	1 / 2	51,000	74,200	45.5%	58.6%	8/2/21	86,000	+15.9%

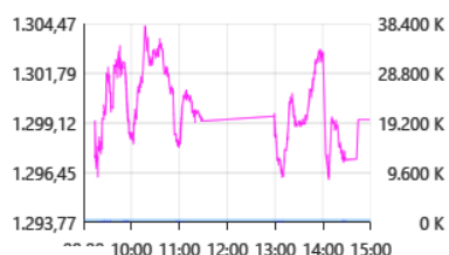
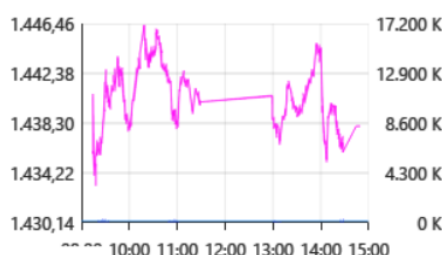
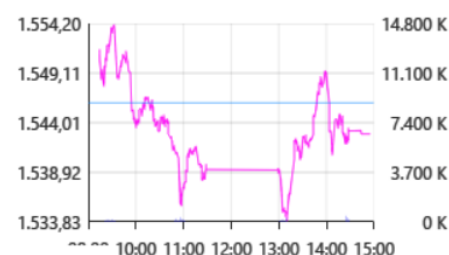
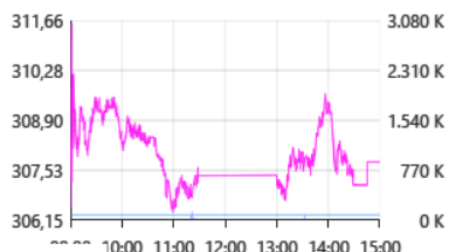
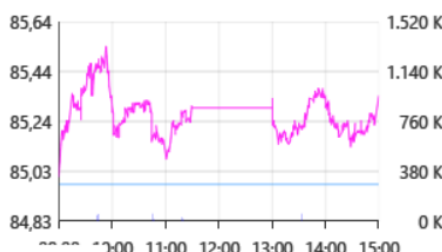
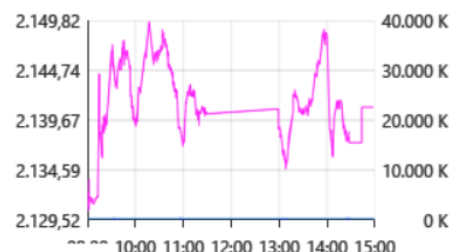
(\*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

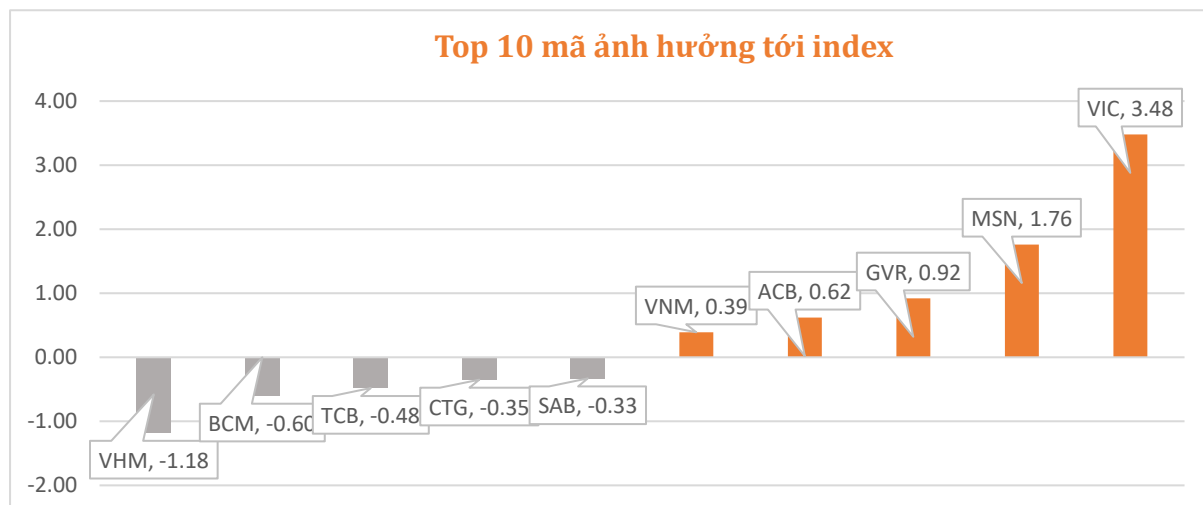
**FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA**
**BIẾN ĐỘNG PHIÊN CUỐI TUẦN**

Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
<b>VN - Index</b>	1,299.31	0.42%	5.39	465.42	15,458.5	199	45	178
<b>Vn30 - Index</b>	1,438.05	0.54%	7.76	174.89	8,819.5	19	1	10
<b>Vn - Mid</b>	1,542.86	-0.21%	-3.20	132.75	3,127.0	31	4	35
<b>HNX - Index</b>	307.76	0.48%	1.46	97.66	2,326.4	90	69	93
<b>Upcom - Index</b>	85.33	0.41%	0.35	76.99	1,051.2	202	101	118
<b>VNX-ALL</b>	2,141.00	0.52%	11.10	482.05	15,886.8	196	78	197

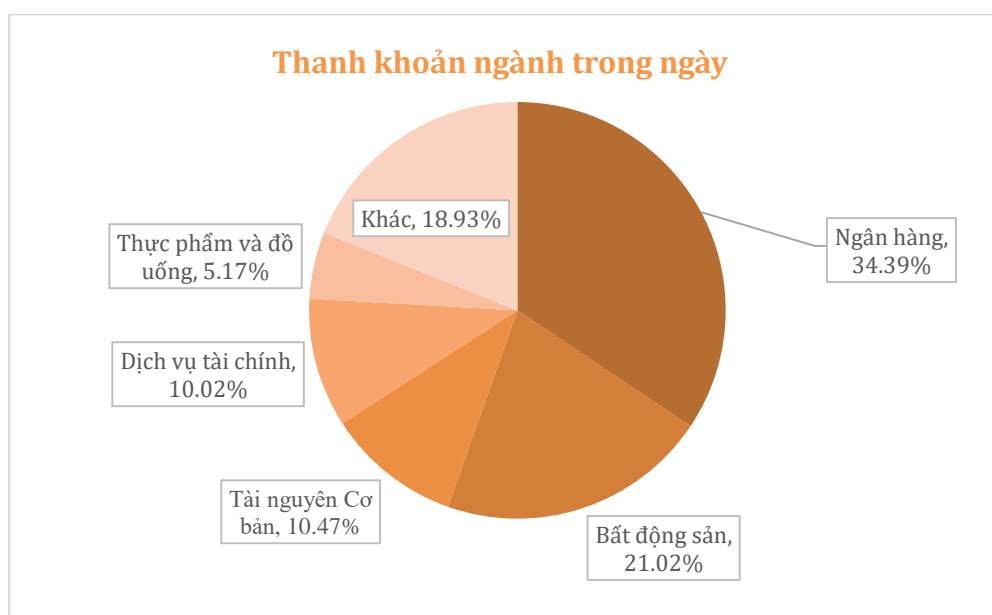
**BIẾN ĐỘNG TRONG PHIÊN**
**VN-INDEX**

**VN30**

**VN-MID**

**HNX-INDEX**

**UPCOM**

**VNX-ALL**

**THANH KHOẢN PHIÊN CUỐI TUẦN**

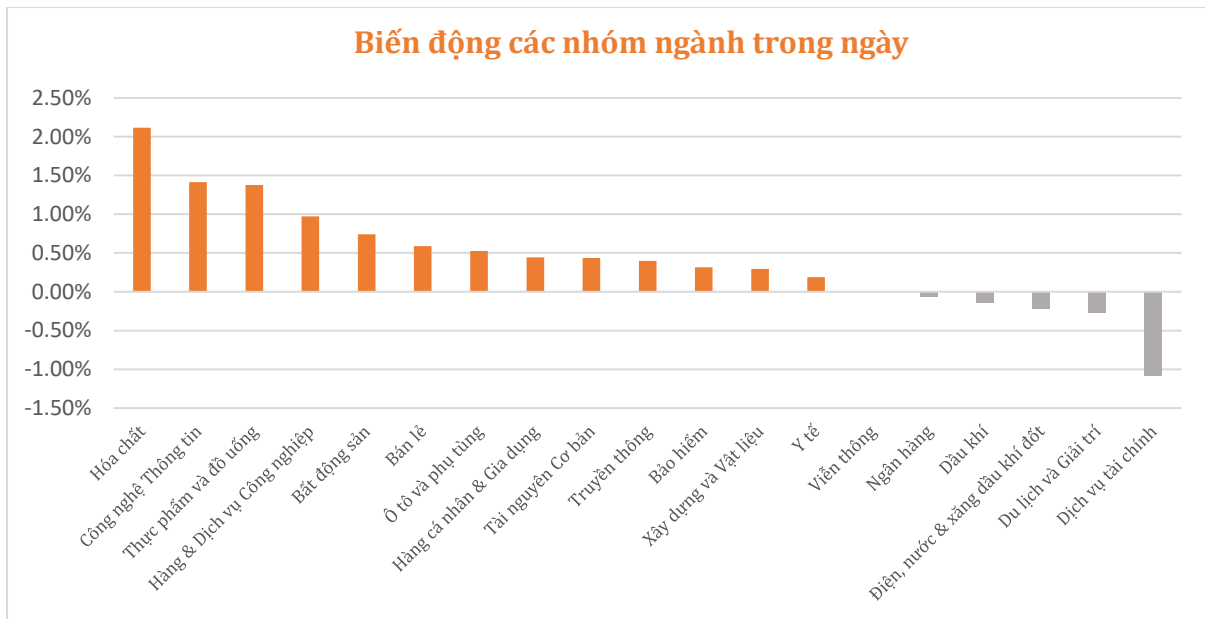
Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
<b>HSX</b>	15,458.50	2.07%	465.42	5.79%
<b>HNX</b>	2,326.40	-13.77%	97.66	-17.43%



**CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG PHIÊN**


Top KLGD (triệu cổ phiếu)		Top GTGD (tỷ đồng)		Đột biến khối lượng (%KL/KL10 phiên)		Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)		Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)	
<b>SHB</b>	30.04	<b>HPG</b>	1,046.9	<b>BCM</b>	1398%	<b>HAH</b>	7.0%	<b>KLF</b>	-7.3%
<b>HPG</b>	22.25	<b>VPB</b>	1,001.5	<b>MST</b>	389%	<b>HDC</b>	7.0%	<b>MHC</b>	-6.0%
<b>FLC</b>	21.88	<b>SHB</b>	854.7	<b>PSH</b>	381%	<b>SZC</b>	7.0%	<b>BCM</b>	-4.8%
<b>STB</b>	19.47	<b>TCB</b>	730.4	<b>BWE</b>	268%	<b>VSC</b>	7.0%	<b>ROS</b>	4.4%
<b>MSB</b>	19.45	<b>PDR</b>	604.5	<b>TCM</b>	220%	<b>PLP</b>	6.9%	<b>FIT</b>	-4.3%

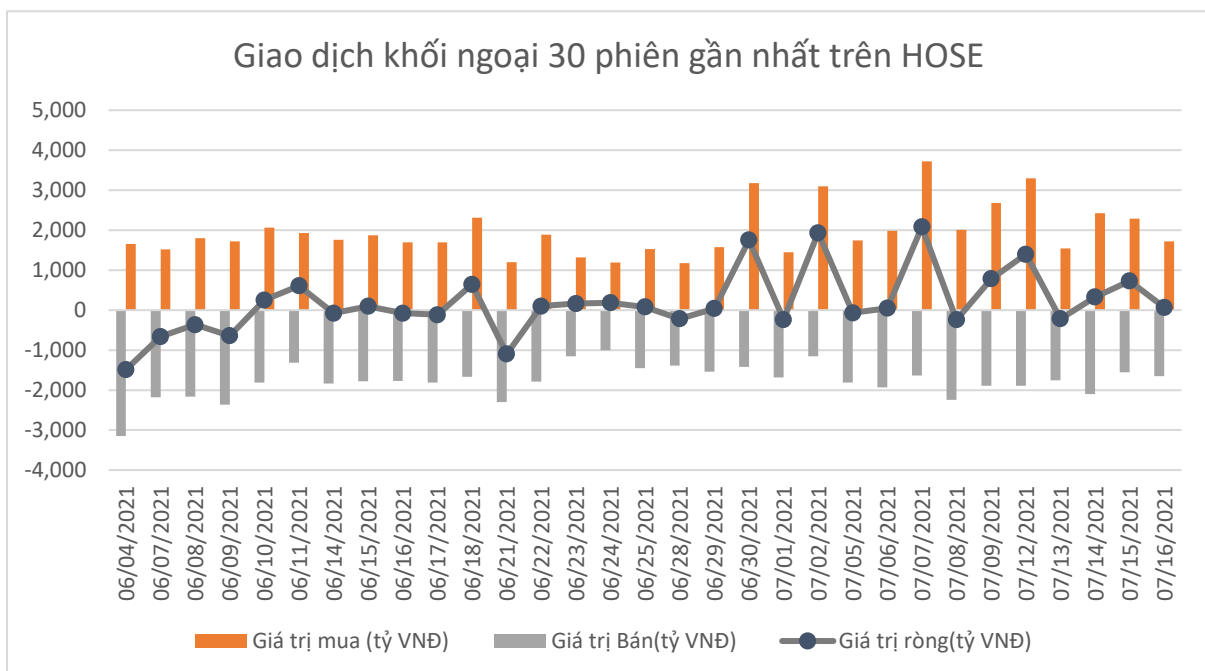
**NHÓM NGÀNH**




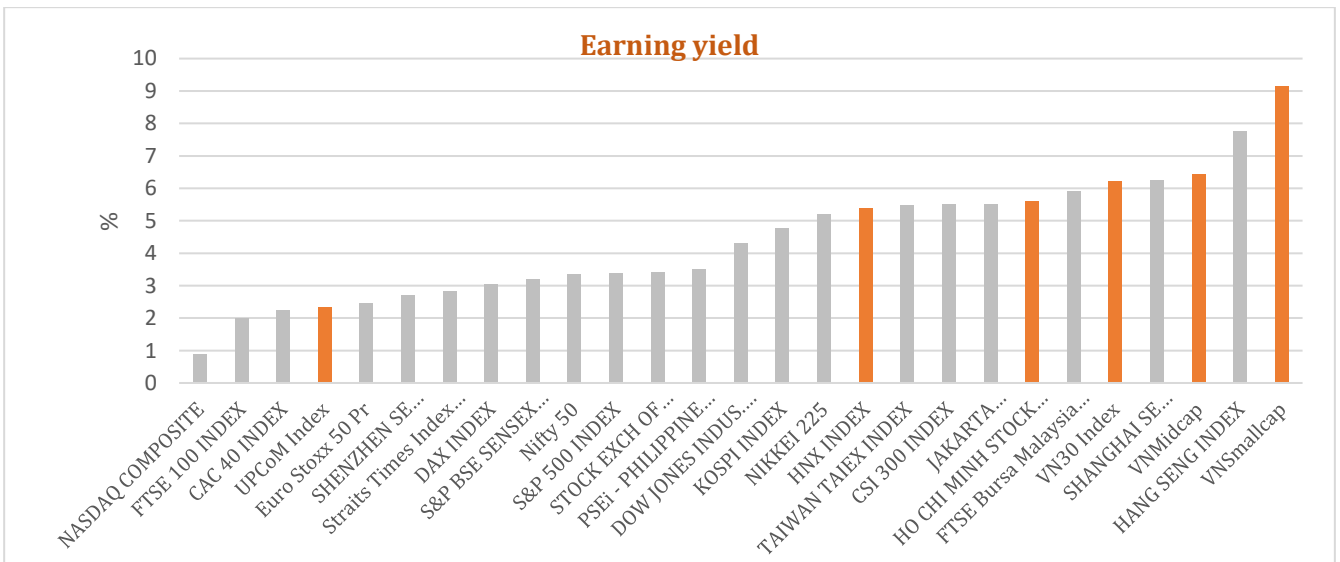
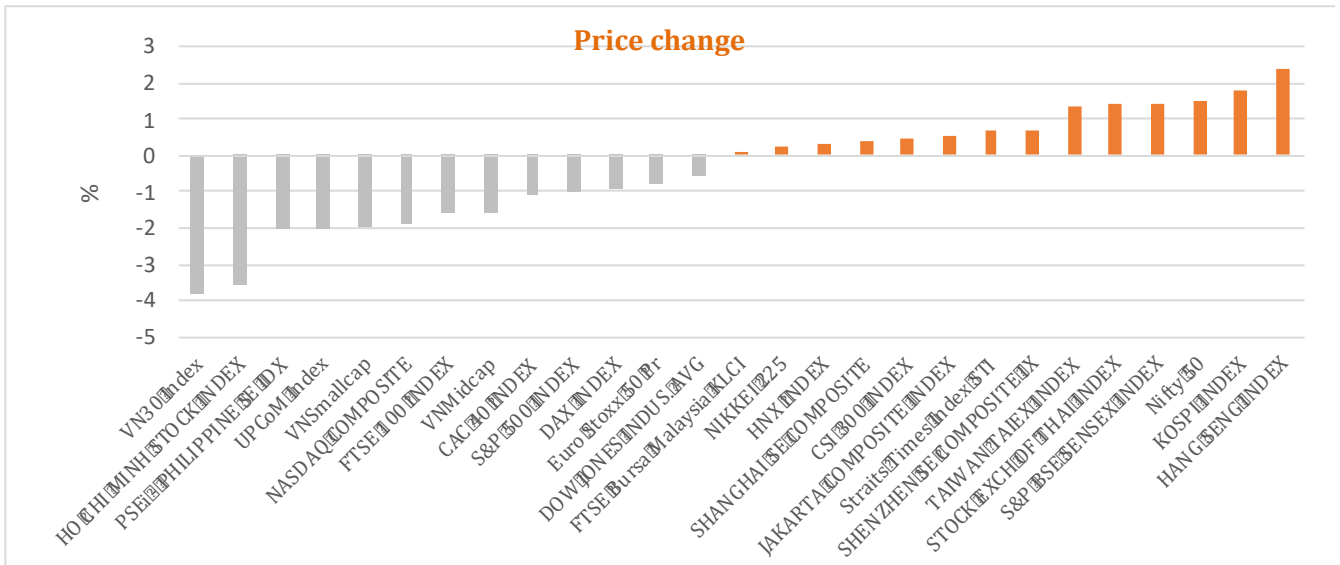
### GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE mua ròng 66.89 tỷ đồng còn trên HNX bán ròng 5.32 tỷ đồng.

Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
<b>NVL</b>	96.73	<b>CTG</b>	64.37
<b>VIC</b>	83.75	<b>HSG</b>	56.96
<b>MSN</b>	58.78	<b>VCB</b>	39.33
<b>VNM</b>	44.78	<b>VHM</b>	35.76
<b>MBB</b>	41.69	<b>VCI</b>	34.81



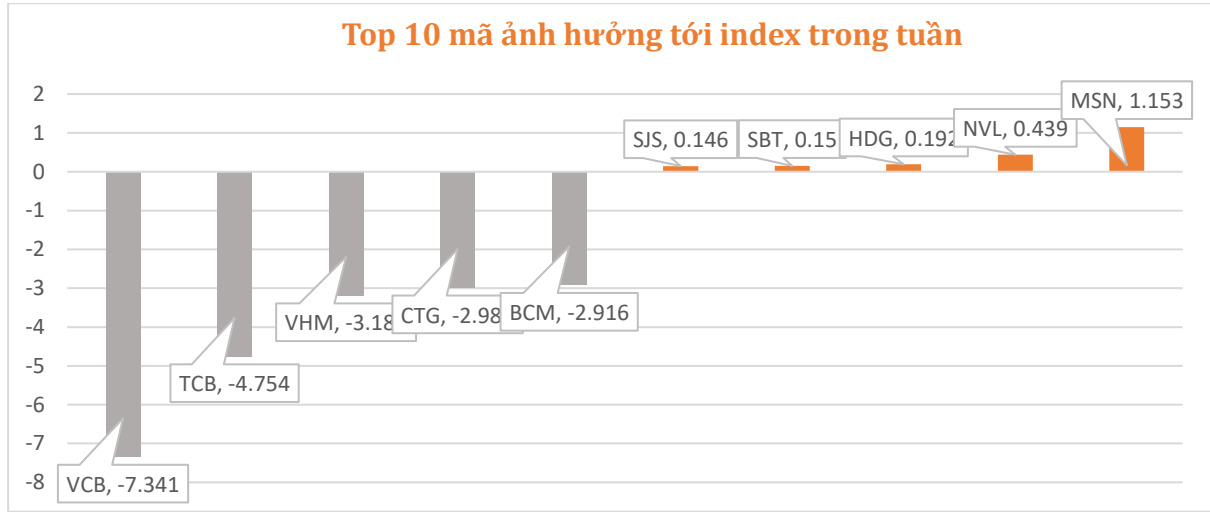
**BIẾN ĐỘNG CỦA CÁC CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU TRONG TUẦN**



**ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG (P/E lịch sử 12 tháng gần nhất)**

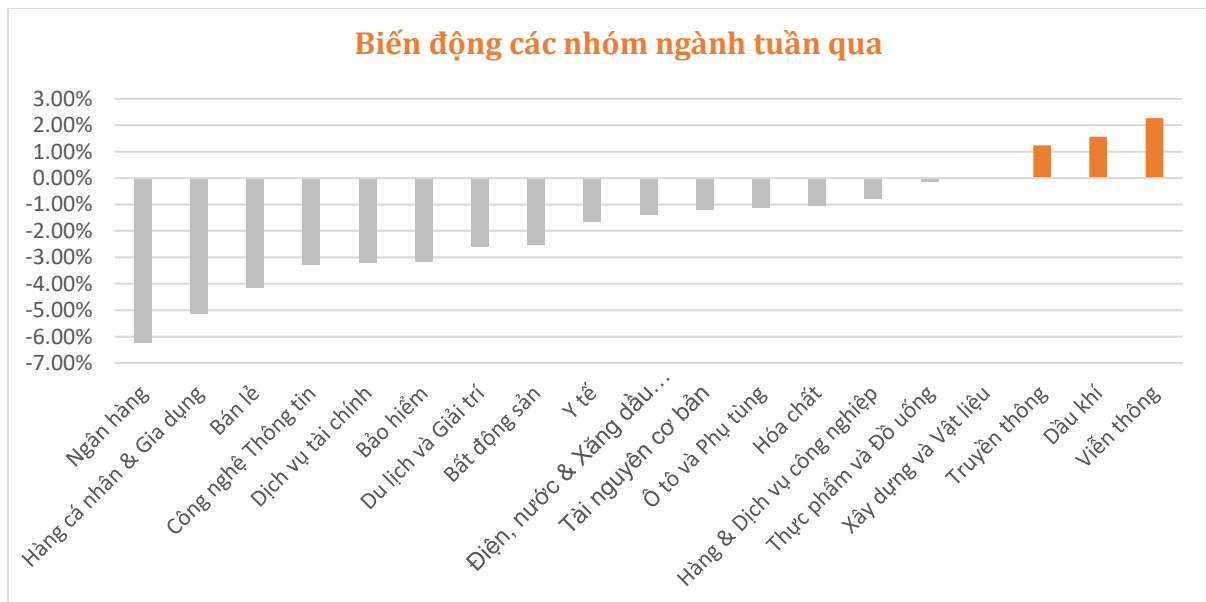


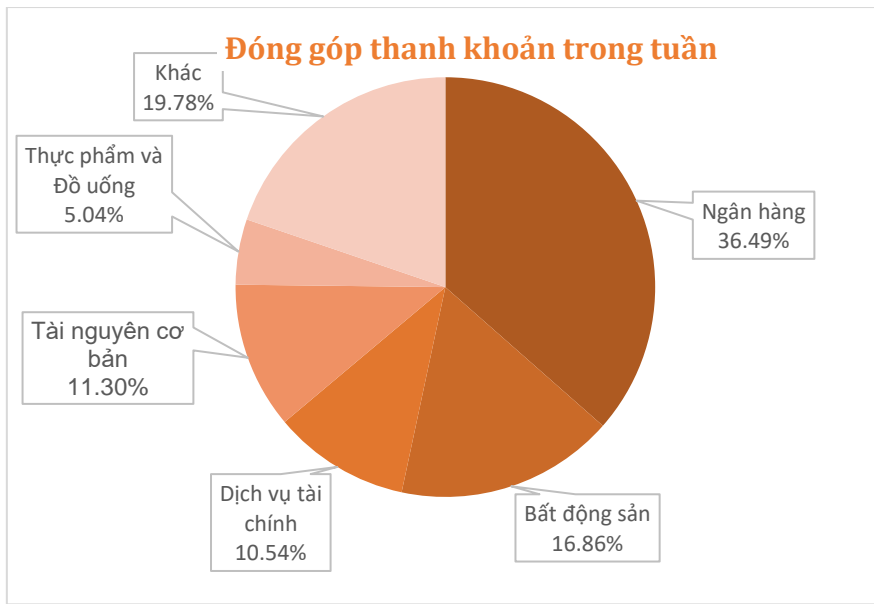
## CỔ PHIẾU NỔI BẬT TUẦN QUA



Top KLGD (triệu cp/phiên)		Top GTGD (tỷ đồng/phiên)		Đột biến khối lượng (KLtuan/ KL3thang) đv: lần		Top tăng điểm với thanh khoản cao		Top giảm điểm với thanh khoản cao	
<b>HPG</b>	35.8	<b>HPG</b>	1,625.9	<b>SCG</b>	3.09x	<b>PHC</b>	13.6%	<b>MHC</b>	-16.8%
<b>STB</b>	30.2	<b>TCB</b>	1,544.7	<b>HHV</b>	2.59x	<b>PSH</b>	12.3%	<b>VIB</b>	-14.4%
<b>TCB</b>	29.2	<b>VPB</b>	1,222.7	<b>HID</b>	2.51x	<b>HDG</b>	10.0%	<b>FIT</b>	-13.5%
<b>FLC</b>	28.2	<b>STB</b>	848.0	<b>PSH</b>	2.33x	<b>SJS</b>	8.3%	<b>SHI</b>	-13.3%
<b>SHB</b>	27.7	<b>SSI</b>	741.2	<b>HVH</b>	2.23x	<b>SHB</b>	8.1%	<b>BVB</b>	-10.9%

## NHÓM NGÀNH TRONG TUẦN

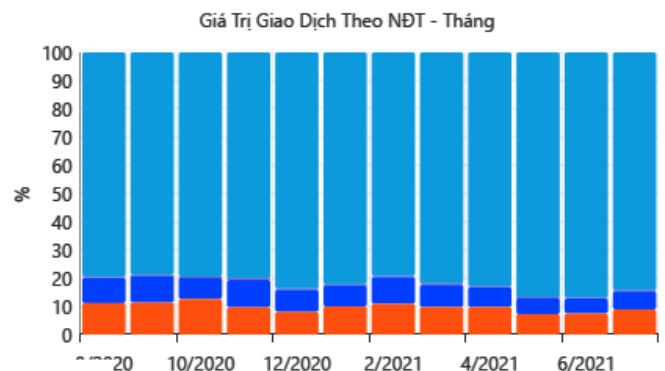
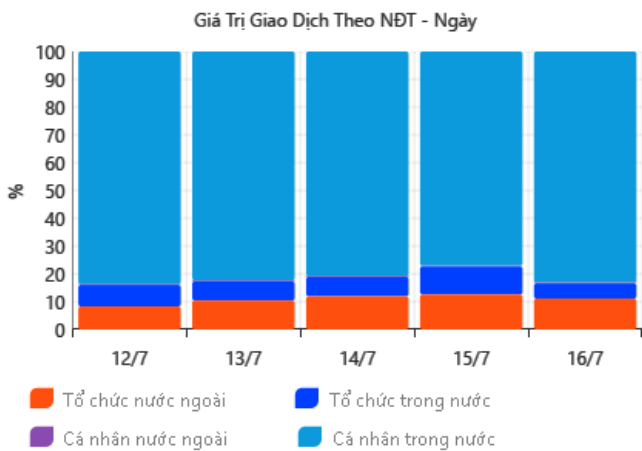




## DÒNG TIỀN TRÊN THỊ TRƯỜNG

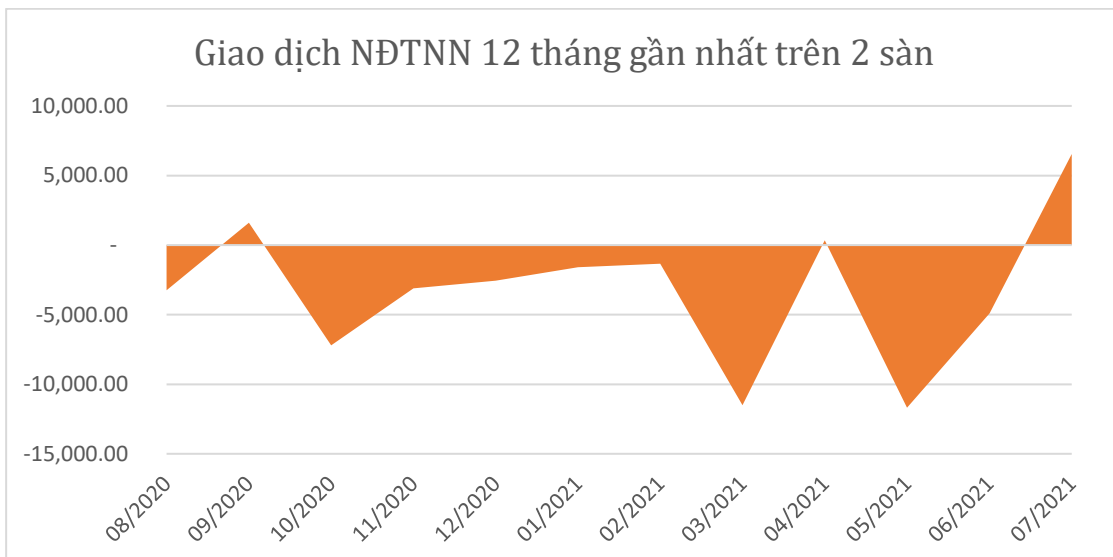
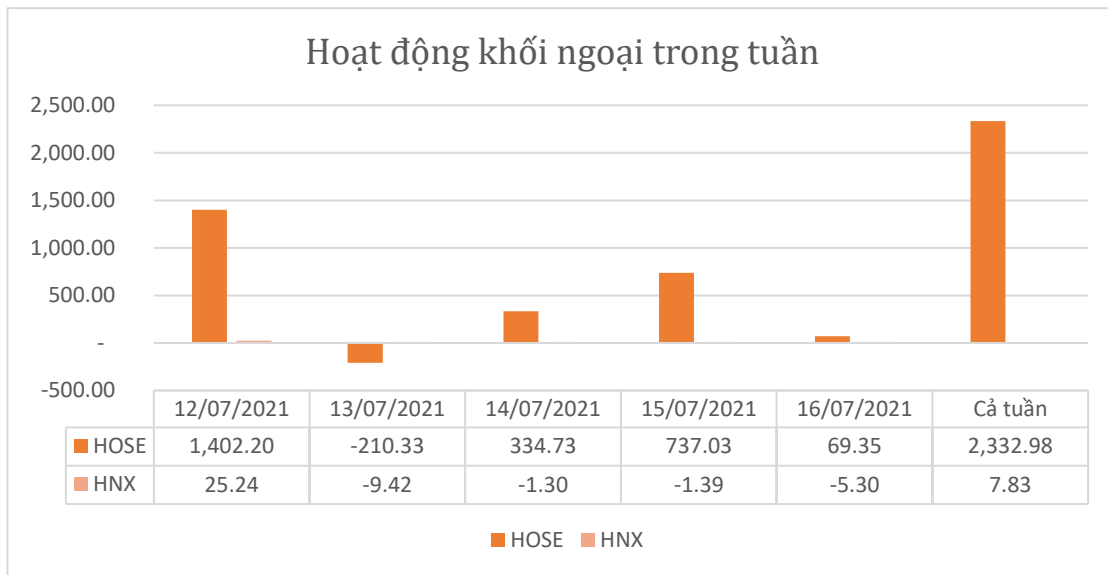
### GIAO DỊCH THEO NHÀ ĐẦU TƯ

Top giao dịch của Cá nhân			Top giao dịch của Tổ chức		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
<b>TCB</b>	-8.83%	16,909.56	<b>HPG</b>	-1.16%	4,088.13
<b>HPG</b>	-1.16%	12,570.83	<b>MWG</b>	-4.76%	2,739.46
<b>VPB</b>	-6.25%	10,725.82	<b>VHM</b>	-3.11%	1,964.47
<b>STB</b>	-2.23%	7,288.89	<b>TCB</b>	-8.83%	1,919.09
<b>SSI</b>	0.38%	6,592.05	<b>VCB</b>	-6.65%	1,560.77



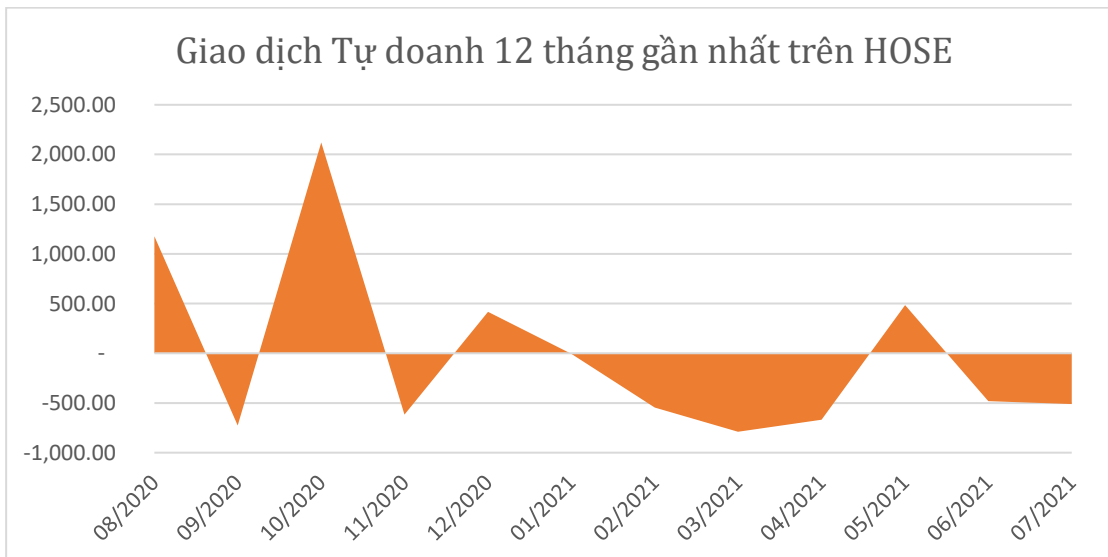
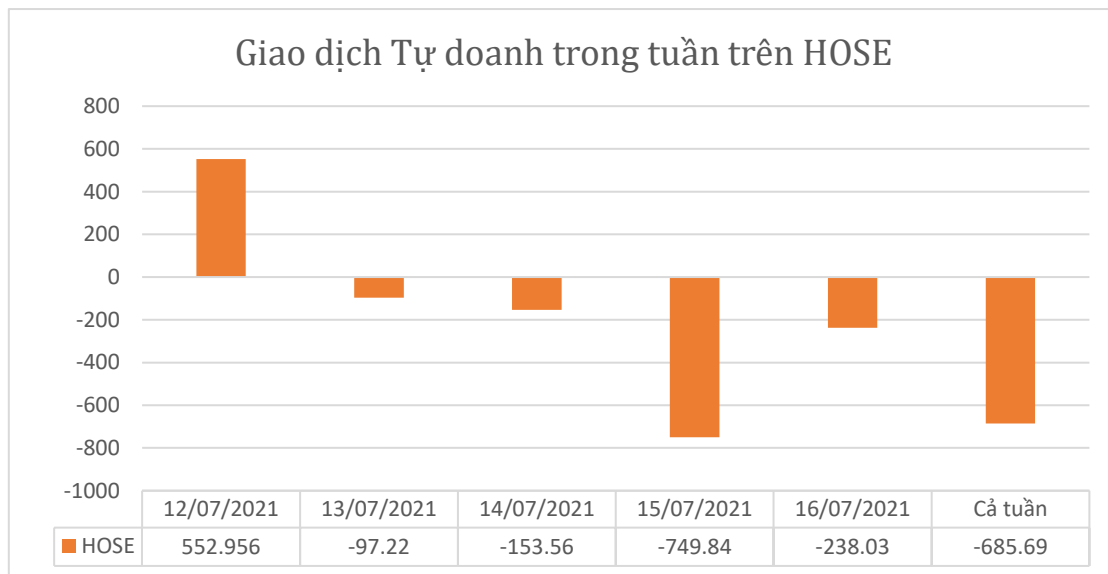
**KHỐI NGOẠI**

Top khối ngoại mua ròng			Top khối ngoại bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
HPG	-1.16%	549.55	VPB	-6.25%	182.75
SSI	0.38%	494.68	VCB	-6.65%	152.83
STB	-2.23%	451.98	VIC	-2.58%	125.22
VHM	-3.11%	251.37	VCI	-5.27%	61.88
FUEVFNVD	-5.54%	153.73	CTG	-7.85%	59.80



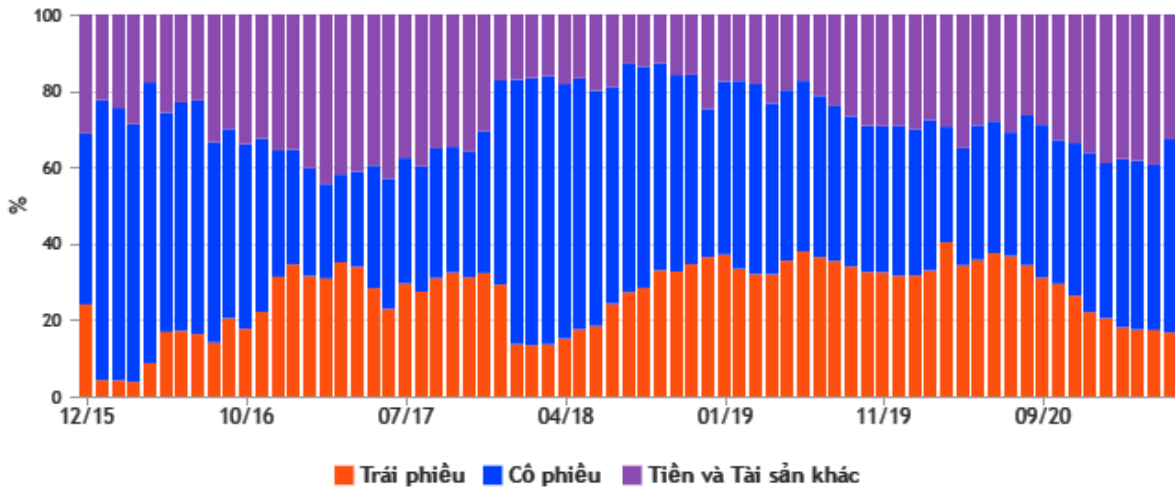
### HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH CỦA CÁC CTCK TRÊN HOSE

Top Tự doanh Mua ròng			Top Tự doanh Bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
IJC	-5.15%	122.76	HPG	-1.16%	309.34
VPB	-6.25%	91.78	FUEVFNVD	-5.54%	168.40
DBC	-2.53%	40.00	E1VFN30	-3.88%	57.18
ACB	-4.55%	21.57	VIC	-2.58%	56.36
NLG	-2.11%	13.15	VNM	-1.26%	40.40

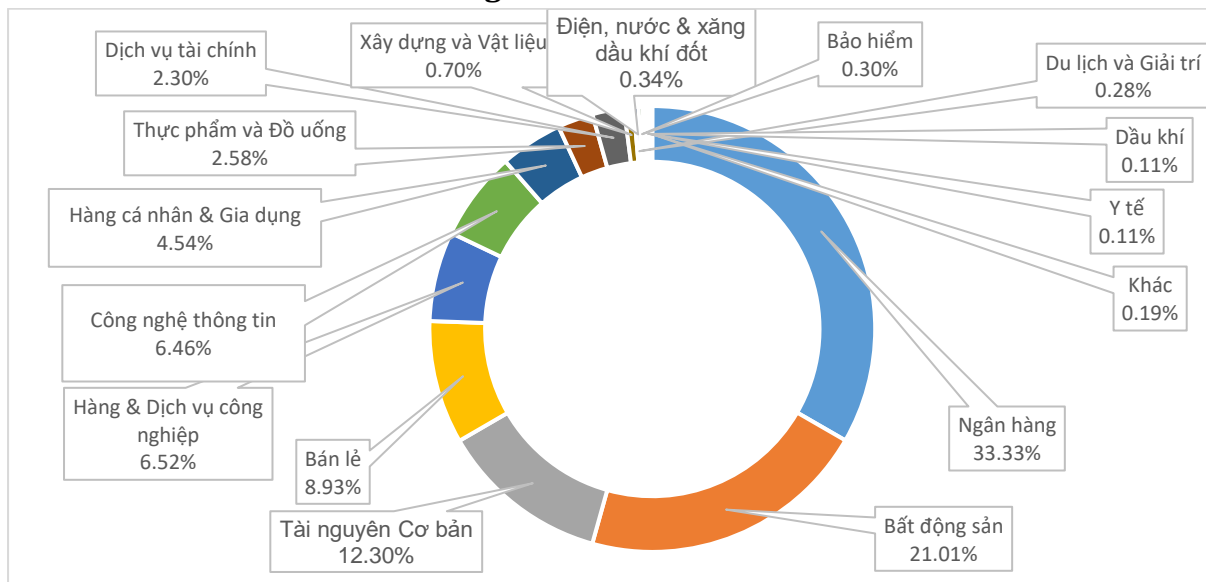


**TỔ CHỨC (40 quỹ do finpro platform theo dõi)**

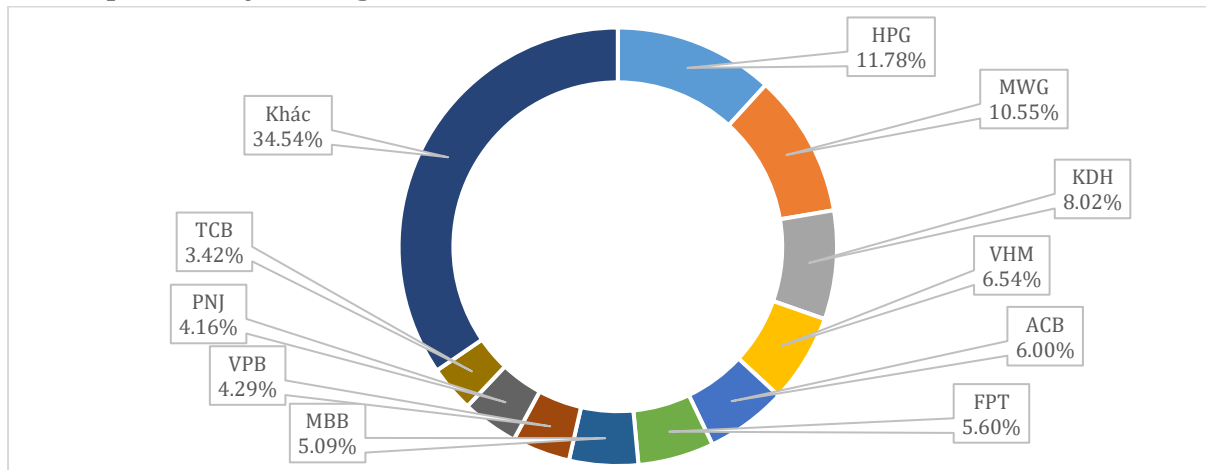
**Phân bố tài sản**



**Phân bố các khoản đầu tư theo ngành**



**Các cổ phiếu được nắm giữ nhiều nhất**





**LỊCH SỰ KIẾN TUẦN TỚI**

Mã CK	Sàn	Nội dung sự kiện	Ngày GD không hưởng quyền	Ngày đăng ký cuối cùng	Ngày thực hiện
SVL	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	19/07/21	20/07/21	19/07/21
KIP	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	19/07/21	20/07/21	19/07/21
MBG	HNX	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 5%)	19/07/21	20/07/21	19/07/21
SVC	HSX	Chi trả cổ tức năm 2020 (1.000 đ/cp)	19/07/21	20/07/21	04/08/21
ELC	HSX	Chi trả cổ tức năm 2020 và tạm ứng cổ tức năm 2021 (600 đ/cp)	19/07/21	20/07/21	15/10/21
POT	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (500 đ/cp)	19/07/21	20/07/21	12/08/21
KIP	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	19/07/21	20/07/21	19/07/21
KHG	HNX	Giao dịch đầu tiên 174.817.547 cổ phiếu chuyển giao dịch			19/07/21
DBD	HSX	Niên yết bổ sung 5.233.444 cp		19/07/21	19/07/21
DC2	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt(500 đ/cp), trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 10%)	19/07/21	20/07/21	15/12/21
SDU	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	19/07/21	20/07/21	19/07/21
IDP	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (5.000đ/cp)	19/07/21	20/07/21	28/07/21
SKH	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.713đ/cp)	19/07/21	20/07/21	30/07/21
CKG	HSX	Trả cổ tức năm 2020 (900 đ/cp)	19/07/21	20/07/21	30/07/21
KIP	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	19/07/21	20/07/21	19/07/21
TIP	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	19/07/21	20/07/21	19/07/21
VCI	HSX	Giao dịch 166.500.000 cp niên yết bổ sung			20/07/21
NTR	Upcom	Hủy ĐKGD cổ phiếu	20/07/21	20/07/21	20/07/21
CSI	Upcom	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021	20/07/21	21/07/21	20/07/21
DNR	Upcom	Hủy ĐKGD cổ phiếu	20/07/21	20/07/21	20/07/21
TS4	HSX	ĐHĐCĐ thường niên 2021			20/07/21
VAB	Upcom	Giao dịch 444.963.567 cổ phiếu đăng ký giao dịch	20/07/21	20/07/21	20/07/21
PTB	HSX	Đã bán 2.540.260 cp quỹ		20/07/21	20/07/21
MFS	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2.500đ/cp)	20/07/21	21/07/21	16/08/21
HKB	HNX	Hủy niên yết 51.599.999 cổ phiếu			20/07/21
VPG	HSX	ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2021	20/07/21	21/07/21	19/08/21
NBR	Upcom	Hủy ĐKGD cổ phiếu	20/07/21	20/07/21	20/07/21
HSG	HSX	Giao dịch 44.456.683 cp niên yết bổ sung			20/07/21
PDN	HSX	Chi trả cổ tức còn lại năm 2020 (2.000 đ/cp)	20/07/21	21/07/21	30/07/21
RTH	Upcom	Hủy ĐKGD cổ phiếu	20/07/21	20/07/21	20/07/21
NMK	Upcom	Hủy ĐKGD cổ phiếu	20/07/21	20/07/21	20/07/21
ICN	Upcom	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 25%)	21/07/21	22/07/21	21/07/21
LMH	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	21/07/21	22/07/21	21/07/21

Mã CK	Sàn	Nội dung sự kiện	Ngày GD không hưởng quyền	Ngày đăng ký cuối cùng	Ngày thực hiện
<b>DS3</b>	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (600 đ/cp)	21/07/21	22/07/21	18/08/21
<b>LMH</b>	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	21/07/21	22/07/21	21/07/21
<b>LPB</b>	HSX	Trả cổ tức năm 2020 (tỷ lệ 100:12)	21/07/21	22/07/21	21/07/21
<b>HLB</b>	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2.000đ/cp)	21/07/21	22/07/21	30/07/21
<b>NBT</b>	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (400đ/cp)	21/07/21	22/07/21	02/08/21
<b>BCG</b>	HSX	Giao dịch 4.069.034 cp niêm yết bổ sung		16/07/21	22/07/21
<b>CLL</b>	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	22/07/21	23/07/21	22/07/21
<b>BCM</b>	HSX	Tạm ứng cổ tức năm 2020 (400 đ/cp), lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	22/07/21	23/07/21	06/09/21
<b>BLT</b>	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (3.400đ/cp)	22/07/21	23/07/21	03/08/21
<b>DDH</b>	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (500đ/cp)	22/07/21	23/07/21	06/08/21
<b>CSV</b>	HSX	Chi trả cổ tức còn lại năm 2020 (1.000 đ/cp)	23/07/21	26/07/21	13/08/21
<b>VLW</b>	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000đ/cp)	23/07/21	26/07/21	11/08/21
<b>BRR</b>	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (200đ/cp)	23/07/21	26/07/21	30/07/21
<b>SIP</b>	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000đ/cp)	23/07/21	26/07/21	05/08/21
<b>SSB</b>	HSX	Trả cổ tức năm 2020 (100:9.1206)	23/07/21	26/07/21	23/07/21
<b>DCI</b>	Upcom	Hủy ĐKGD cổ phiếu	23/07/21	23/07/21	23/07/21
<b>DC2</b>	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt(500 đ/cp), trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 10%)	19/07/21	20/07/21	15/12/21
<b>SDU</b>	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	19/07/21	20/07/21	19/07/21
<b>IDP</b>	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (5.000đ/cp)	19/07/21	20/07/21	28/07/21
<b>SKH</b>	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.713đ/cp)	19/07/21	20/07/21	30/07/21
<b>CKG</b>	HSX	Trả cổ tức năm 2020 (900 đ/cp)	19/07/21	20/07/21	30/07/21
<b>KIP</b>	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	19/07/21	20/07/21	19/07/21
<b>TIP</b>	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	19/07/21	20/07/21	19/07/21
<b>VCI</b>	HSX	Giao dịch 166.500.000 cp niêm yết bổ sung			20/07/21
<b>NTR</b>	Upcom	Hủy ĐKGD cổ phiếu	20/07/21	20/07/21	20/07/21
<b>CSI</b>	Upcom	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021	20/07/21	21/07/21	20/07/21
<b>DNR</b>	Upcom	Hủy ĐKGD cổ phiếu	20/07/21	20/07/21	20/07/21

**XẾP HẠNG CỔ PHIẾU**

 Chỉ số tham chiếu: **VN - Index.**

 Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Khuyến nghị	Định nghĩa
<b>Mua</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq 15\%$ Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
<b>Tích lũy</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
<b>Trung lập</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
<b>Giảm tỷ trọng</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
<b>Bán</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

**XẾP HẠNG NGÀNH**

 Chỉ số tham chiếu: **VN - Index**

 Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Xếp loại	Định nghĩa
<b>Khả quan</b>	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
<b>Trung lập</b>	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
<b>Kém khả quan</b>	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

**KHUYẾN CÁO**

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của người viết về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. IVS Securities không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này.

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu tổng thể của công ty, bao gồm doanh thu từ/trong số các đơn vị kinh doanh khác. IVS và cán bộ, giám đốc, nhân viên có thể có mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong tài liệu này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Báo cáo này đã được chuẩn bị trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. IVS không tuyên bố hay bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư tổ chức và khách hàng cá nhân của IVS tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng cho quốc gia nơi báo cáo này được phân phối không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện ủy quyền của IVS. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.

IVS RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY				
Thành viên	Vị trí	Phụ trách	Email	Ext.
<b>Võ Thế Vinh</b>	Trưởng phòng	Phân tích & Chiến lược Đầu tư	<a href="mailto:vinhvt@ivs.com.vn">vinhvt@ivs.com.vn</a>	704
<b>Đỗ Trung Nguyên</b>	Phó phòng	Chiến lược đầu tư	<a href="mailto:nguyendt@ivs.com.vn">nguyendt@ivs.com.vn</a>	703
<b>Trần Thị Hồng Nhung</b>	Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Ngân hàng	<a href="mailto:nhungtth@ivs.com.vn">nhungtth@ivs.com.vn</a>	706
<b>Đinh Quang Đạt</b>	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Tiêu dùng	<a href="mailto:datdq@ivs.com.vn">datdq@ivs.com.vn</a>	
<b>Phí Công Linh</b>	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Bất Động sản	<a href="mailto:linhpc@ivs.com.vn">linhpc@ivs.com.vn</a>	709

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM	LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
 VIETNAM INVESTMENT SECURITIES COMPANY	Điện thoại tư vấn: <b>(024) 35.730.073</b> Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999 Email: <a href="mailto:ivs@ivs.com.vn">ivs@ivs.com.vn</a> Website: <a href="http://www.ivs.com.vn">www.ivs.com.vn</a>	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower Điện thoại: (024) 35.730.073 Fax: (024) 35.730.088	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM Điện thoại: (028) 38.239.966 Fax: (028) 38.239.696